KIỂM SOÁT THAM NHŨNG TRONG QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT VÀ GỢI MỞ CHO XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN NGỌC BẢO
Viện Nhà nước và Pháp luật,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 05/10/2026. Sửa chữa xong 02/11/2026. Duyệt đăng 08/11/2026.

Abstract

This article examines anti-corruption mechanisms under the Quốc triều hình luật (Hồng Đức Code) through three principal dimensions: its legal provisions, state supervisory institutions, and the management of officials, particularly their selection and nomination and the associated liability of those who recommended them. By assessing the strengths and limitations of these mechanisms, the article identifies lessons relevant to the ongoing development and improvement of the socialist rule-of-law state in contemporary Vietnam.

Keywords: *Anti-corruption mechanisms; early Lê dynasty; Quốc triều hình luật; rule-of-law state; supervision of officials.*

1. Đặt vấn đề

Nói đến kiểm soát tham nhũng thì không thể tách khỏi chuyện kiểm soát quyền lực nhà nước và xây dựng đội ngũ quan lại liêm chính. Triều Lê sơ (1428-1527), nhất là thời Lê Thánh Tông, có một hệ thống pháp luật và thiết chế giám sát quan lại khá đầy đủ, tiêu biểu là Quốc triều hình luật (Bộ luật Hồng Đức). Bài viết nhìn kinh nghiệm này từ góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, tập trung vào ba phương diện là quy phạm pháp luật, thiết chế giám sát và cách quản lý, tuyển chọn quan lại; sau đó đánh giá những mặt được, mặt chưa được và rút ra vài gợi mở cho việc xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam hiện nay. Phương pháp chủ yếu là phương pháp lịch sử, phân tích quy phạm và so sánh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ chế kiểm soát tham nhũng thời Lê sơ

2.1.1. Cách tiếp cận của nhà nước Lê sơ đối với tham nhũng

Pháp luật thời Lê sơ chưa hình thành khái niệm "tham nhũng" theo nghĩa pháp lý hiện đại; thay vào đó, các hành vi có tính chất vụ lợi trong thực thi công vụ được điều chỉnh thông qua những quy định cụ thể về nhận hối lộ, sách nhiễu, chiếm dụng hoặc sử dụng trái phép tài sản công, lợi dụng chức vụ, quyền hạn và các hành vi vi phạm khác. Cụ thể, bộ luật mô tả các hành vi như sách nhiễu, dung túng, ăn hối lộ, ăn bớt, mượn của công dùng riêng, vì thân tình hay thù oán mà cố ý làm sai sự thật, đòi tiền, chiếm đoạt hoặc giấu đồ vật của công. Điều đáng để ý là biên độ của những hành vi này khá rộng: không chỉ là tiền của, hiện vật mà còn là thời gian, sức lực của người dân, thậm chí cả việc lợi dụng tôn giáo để làm giàu.

Thực tế thì tham nhũng xuất hiện từ rất sớm, ngay trong những năm đầu của triều đại. Trong lịch sử đã ghi nhận hơn 30 trường hợp liên quan đến hành vi tham nhũng, hối lộ của quan lại và tôn thất. Có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do việc tuyển dụng, sử dụng và giám sát quan lại chưa thật quy củ, cộng với phẩm chất của một bộ phận quan lại còn yếu (Trần Đình Ba, 2024).

Email: tranngocbao05.2002@gmail.com.

Đứng trước tình hình đó, nhà Lê sơ không chỉ trông vào giáo hóa đạo đức mà dùng thêm ba hướng nữa: quy phạm pháp luật để xác định hành vi và chế tài; thiết chế giám sát để phát hiện, tố cáo; và quản lý quan lại, trong đó đặc biệt coi trọng khâu tuyển chọn. Các mục sau sẽ lần lượt bàn từng hướng.

2.1.2. Kiểm soát bằng quy phạm pháp luật

Quốc triều hình luật được hoàn thiện và ban hành dưới thời Lê Thánh Tông; Bộ luật được định hình trong quá trình xây dựng, củng cố pháp chế dưới triều này, còn văn bản hiện còn lưu truyền và được dùng trong nghiên cứu là kết quả của quá trình biên tập, chỉnh lý, bổ sung và truyền sao qua các thời kỳ (Vũ Văn Mẫu, 1975). Về niên đại cụ thể còn có ý kiến khác nhau: có nghiên cứu cho rằng bộ luật được ban bố lần đầu trong khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470-1497), cũng có quan điểm cho rằng bộ luật này được ban hành vào những năm cuối niên hiệu Hồng Đức (Vũ Văn Mẫu, 1973). Bộ luật không có chương riêng về tham nhũng, các quy phạm nằm rải ở nhiều chương. Con số thống kê không hoàn toàn giống nhau vì còn tùy cách phân loại của từng nghiên cứu. Nếu chỉ tính những điều quy định trực tiếp thì có 78 trong tổng số 722 điều, thuộc 9 trong 13 chương. Nếu mở rộng phạm vi thống kê sang các quy định có liên quan gián tiếp đến kiểm soát quyền lực, quản lý quan lại, tài sản công và trách nhiệm công vụ thì số lượng có thể lên tới 102 điều thuộc 10 chương . Dù tính theo cách nào, các quy phạm này cũng tập trung nhiều nhất ở chương Vi chế (24 điều), sau đó là chương Tạp luật (11 điều), Hộ hôn và Đoán ngục (mỗi chương 9 điều).

Về đối tượng, luật nhắm vào người có chức vụ, quyền hạn ở mọi cấp. Về hành vi, luật xử cả việc nhận tiền lẫn việc dùng chức quyền để lấy của dân. Về chế tài thì có nhiều mức: biếm, đánh roi, đánh trượng, đồ, lưu, tử hình, cách chức, phạt tiền; trong 78 điều nói trên có 12 điều quy định hình phạt tử hình. Có thể chia các quy phạm thành năm nhóm.

Thứ nhất, nhóm xử hành vi nhận hối lộ. Hình phạt tăng theo giá trị tang vật; hối lộ từ 1 đến 9 quan thì mức thấp nhất là biếm hoặc bãi chức, còn vụ lớn có thể bị xử tử. Cách quy định này làm cho hình phạt tương xứng với mức nguy hại, và người xét xử cũng ít có chỗ để tùy tiện hơn.

Thứ hai, nhóm quy phạm về tài sản. Một số quy định của Quốc triều hình luật áp dụng chế tài hoàn trả hoặc nộp phạt ở mức gấp đôi đối với tài sản, tiền bạc liên quan đến hành vi vi phạm; chẳng hạn quan ty làm trái pháp luật mà ăn hối lộ thì bị phạt gấp đôi và số tiền nộp vào kho (Quốc triều hình luật, Điều 138; Viện Sử học, 2013). Điều này cho thấy ở một số trường hợp, việc khôi phục thiệt hại cũng được tính đến chứ không chỉ dừng ở trừng phạt.

Thứ ba, người đưa hối lộ và người môi giới. Quốc triều hình luật cũng có những quy định xử lý người đưa hối lộ và người môi giới; nhìn chung, mức độ trách nhiệm được phân hóa theo tính chất, vai trò và mức độ của hành vi.

Thứ tư, trách nhiệm liên đới và chống lạm dụng quyền hạn. Luật tăng hình phạt khi quan lại nhận tiền để cố ý làm sai sự thật, và xử nặng đại thần, quan hành khiển hoặc quan coi ngục tụng nếu nhân việc vua đặc ân tha tội mà đòi hối lộ. Người giám sát biết sai phạm mà không đàn hặc cũng bị quy trách nhiệm; có trường hợp Giám sát ngự sử bị bắt giam vì không tố cáo việc đưa hối lộ (Trần Đình Ba, 2024).

Thứ năm, nhóm quy phạm phòng ngừa và khuyến khích tố giác. Hơn một nửa số điều luật liên quan đến tham nhũng thuộc loại phòng ngừa (Thái Doãn Thành, 2026). Chẳng hạn luật xử phạt quan chấm thi mà không hồi tỵ khi thí sinh là người thân thuộc, tức là chặn ngay từ khâu tuyển chọn. Luật cũng cho thưởng người tố giác đúng sự thật, như trường hợp tố giác việc giấu giếm, khai gian khi thu thuế ruộng (Quốc triều hình luật, Điều 351; Viện Sử học, 2013) .

Về kỹ thuật lập pháp, các nghiên cứu so sánh cho thấy Quốc triều hình luật kế thừa nhiều chế định của luật Đường, luật Minh nhưng cũng có chỗ điều chỉnh riêng (Nguyễn Ngọc Huy, Tạ Văn Tài, 1987). Từ thời Nguyễn, bộ luật đã được đánh giá là có tham khảo luật các đời Tùy, Đường nhưng mức xử nặng nhẹ phân minh, được các đời sau noi theo (Phan Huy Chú, 1992).

2.1.3. Kiểm soát bằng thiết chế giám sát

Ngự sử đài, Lục khoa và Hiến ty là những thiết chế quan trọng thực hiện chức năng giám sát, đàn hặc và kiểm soát hoạt động của quan lại, qua đó góp phần phòng ngừa và phát hiện các hành vi tham nhũng. Ở trung ương có hai cơ quan chính. Ngự sử đài được xem là cơ quan quan trọng nhất, có trách nhiệm đàn hặc quan lại từ tể tướng, võ tướng đến trăm quan; nếu quan lại làm trái phép hoặc chính sự có thiếu sót thì Ngự sử đài phải tâu lên (Thái Doãn Thành, 2025b). Bên cạnh đó là Lục khoa, được nêu trong lời dụ hiệu định quan chế năm 1471, hoạt động độc lập với thượng thư các bộ, giám sát Lục bộ và có thể báo cáo thẳng lên nhà vua. Mỗi khoa có một việc riêng: Hộ khoa liên quan đến việc chi phát, Lại khoa được quyền bác bỏ việc tuyển chọn đề bạt, Lễ khoa đàn hặc lỗi sai phạm về nghi lễ, Hình khoa xem xét việc xử án đúng sai, Công khoa kiểm tra công việc của Bộ Công (Thái Doãn Thành, 2025b).

Ở địa phương có Tam ty gồm Thừa ty lo hành chính, tài chính, dân sự; Đô ty lo quân sự; Hiến ty thực hiện các chức năng về tư pháp, thanh tra và giám sát các ty kia, đồng thời giám sát công việc trong đạo để tâu lên triều đình. Thời Lê Thánh Tông đã đặt chức Giám sát ngự sử ở 13 đạo (Phan Huy Chú, 1992). Ngoài ra Ngự sử đài đặt 6 Ty Ngự sử, mỗi ty phụ trách từ 2 đến 3 trong 13 đạo, báo cáo trực tiếp về Ngự sử đài ở trung ương (Thái Doãn Thành, 2025b).

Cách tổ chức này có hai điểm đáng chú ý: *Một là*, quyền giám sát tách khỏi quyền quản lý hành chính và quân sự. *Hai là*, việc giám sát đi theo hai tuyến, tuyến dọc từ Ngự sử đài xuống các đạo và tuyến ngang là Lục khoa đối với Lục bộ, nên một sai phạm có thể bị phát hiện từ nhiều phía (Thái Doãn Thành, 2025b). Hơn nữa, Ngự sử đài và Lục khoa còn được tâu hặc lẫn nhau: Đô ngự sử có quyền khảo xét, đề nghị bãi miễn quan Lục khoa, nhưng quan Lục khoa cũng có quyền vạch tội ngược nếu Đô ngự sử khảo hạch không công bằng hay để sai phạm xảy ra (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1998; Thái Doãn Thành, 2025b). Như vậy người giám sát cũng chịu giám sát, tạo thành một chuỗi trách nhiệm.

2.1.4. Kiểm soát bằng quản lý, tuyển chọn quan lại

Về quản lý quan lại, nhà Lê sơ đặt trọng tâm ở khâu tuyển chọn, coi trọng phẩm chất đạo đức, sự thanh liêm và trách nhiệm của quan lại. Việc tuyển chọn và bổ dụng quan lại thời Lê sơ được thực hiện qua nhiều con đường, trong đó có khoa cử, tiến cử và bảo cử (Thái Doãn Thành, 2025a). Trước khi dự thi, thí sinh phải khai lý lịch và có "lệ bảo kết", tức giấy cam đoan của quan sở tại cùng xã trưởng rằng người đó thực có đạo đức; người bất hiếu, bất mục, loạn luân đều không được thi (Thái Doãn Thành, 2025a).

Với tiến cử và bảo cử, điểm mấu chốt là trách nhiệm của người đứng ra giới thiệu. Người tiến cử phải lấy tước vị, phẩm hàm của mình bảo đảm cho người được tiến cử, còn Lại khoa và Ngự sử đài có trách nhiệm khảo xét việc tiến cử đúng hay sai (Thái Doãn Thành, 2025a). Bảo cử cũng đòi hỏi người được bảo cử phải thanh liêm, có tài năng; với một số chức vụ thì tiêu chí còn cụ thể hơn, chẳng hạn quan Hình bộ phải qua từ hai kỳ khảo khóa trở lên và am hiểu hình luật (Thái Doãn Thành, 2025a). Nói đơn giản, người giới thiệu sai thì không thể đứng ngoài trách nhiệm. Còn quan lại đã vào bộ máy mà bị phát hiện nhận hối lộ thì thường bị bãi chức, nặng thì xử tử (Trần Đình Ba, 2024).

2.1.5. Mối quan hệ giữa ba hướng kiểm soát

Ba hướng nêu trên không chạy tách rời nhau mà nối thành một chuỗi, có thể chia theo ba giai đoạn. Ở giai đoạn phòng ngừa, tiêu chí liêm chính khi tuyển chọn, lệ bảo kết, trách nhiệm của người giới thiệu và quy định hồi tỵ tác động trước khi vi phạm xảy ra, vừa giảm cơ hội lợi dụng chức vụ vừa tăng cái giá phải trả cho người kém liêm chính. Ở giai đoạn phát hiện, Ngự sử đài, Lục khoa và Hiến ty giữ vai trò chủ yếu, dựa trên quyền đàn hặc và trách nhiệm phải tố cáo khi biết sai phạm. Ở giai đoạn xử lý, các quy phạm về hình phạt và việc hoàn trả, nộp phạt tài sản quy định hệ quả pháp lý đối với hành vi đã được xác lập.

Nhìn theo chuỗi như vậy thì thấy rõ điều kiện để hệ thống chạy được: mỗi khâu phải có căn cứ pháp lý rõ ràng và có chủ thể chịu trách nhiệm cụ thể. Quy phạm mà thiếu cụ thể thì việc xử lý dễ tùy tiện; cơ quan giám sát mà không có thẩm quyền tương đối độc lập với đối tượng bị giám sát

thì sai phạm dễ bị bỏ sót; tuyển chọn mà không dựa trên tiêu chí thì khó chặn được người kém liêm chính từ đầu.

2.2. Đánh giá và một số gợi mở cho xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Hiệu quả và hạn chế của mô hình kiểm soát tham nhũng thời Lê sơ

Về hiệu quả, mô hình này có mấy điểm đáng ghi nhận. Trước hết, nhà nước đã đưa tham nhũng vào đối tượng điều chỉnh có hệ thống của pháp luật, thể hiện ở chỗ quy phạm liên quan nằm trong phần lớn các chương của bộ luật. Tiếp đó, tư tưởng coi trọng phòng ngừa hơn trừng trị khá rõ, vì hơn một nửa số điều luật liên quan là điều luật phòng ngừa (Thái Doãn Thành, 2026). Nhiều vụ việc cũng được xử theo các quy định pháp luật, kể cả với quan chức cao cấp, và đó là biểu hiện của tính công bằng cùng tác dụng răn đe của pháp luật (Trần Đình Ba, 2024). Cuối cùng, ba hướng pháp luật, giám sát và quản lý quan lại được vận hành trong một cấu trúc chung, không chỉ dựa vào đạo đức cá nhân của quan lại.

Tuy nhiên mô hình này cũng có giới hạn khá rõ. Tham nhũng không bị triệt tiêu: hiện tượng này xuất hiện từ triều vua đầu tiên và rõ nét hơn ở hậu kỳ triều đại (Trần Đình Ba, 2024). Giám sát thì chủ yếu là giám sát nội bộ trong bộ máy quân chủ tập quyền; Ngự sử đài và Lục khoa tuy giám sát lẫn nhau nhưng đều do nhà vua trực tiếp điều hành (Thái Doãn Thành, 2025b), nên khi người đứng đầu không còn nghiêm minh thì cơ chế thiếu điểm tựa độc lập để tiếp tục chạy. Thêm nữa, các quy định của luật chủ yếu nhắm vào người có chức quyền; cách này có lợi cho việc siết trách nhiệm công vụ nhưng có thể chưa đủ để cắt mối liên hệ giữa người có nhu cầu và người có quyền. Và cuối cùng, hình phạt nặng, kể cả tử hình, chỉ có tác dụng khi việc phát hiện và xử lý được làm nhất quán; độ nghiêm khắc không thay được tính chắc chắn của việc bị phát hiện.

Về vai trò của người dân, tình hình không hẳn một chiều. Luật khuyến khích người dân tố giác bằng chế độ thưởng (Điều 351). Tuy vậy tác giả nhận thấy đó chủ yếu là vai trò cung cấp tin cho bộ máy xét xử; những tư liệu đã dẫn chưa cho thấy cơ chế để xã hội thường xuyên theo dõi, kiểm soát việc thực thi quyền lực. Đây là khoảng trống mà nhà nước pháp quyền hiện nay cần bù bằng cơ chế công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Các giới hạn trên có điểm chung là hiệu quả kiểm soát phụ thuộc nhiều vào người đứng đầu hơn là vào tính ổn định của thể chế. Hệ thống dựa chủ yếu vào sự nghiêm minh của cá nhân nhà vua thì mạnh khi nhà vua quyết liệt, và dễ yếu đi khi người đứng đầu thay đổi. Cần nhấn mạnh rằng nhà nước quân chủ Lê sơ và nhà nước pháp quyền XHCN có bản chất, mục tiêu và cơ sở quyền lực khác nhau. Vì vậy việc tham khảo kinh nghiệm lịch sử chỉ có ý nghĩa ở mức phương pháp kiểm soát, không phải sao chép mô hình. Trên cơ sở đó, bài viết nêu bốn gợi mở.

2.2.2. Lấy phòng ngừa làm gốc, quy phạm rõ ràng và chú trọng thu hồi tài sản

Kinh nghiệm Lê sơ cho thấy nhà nước muốn chặn tham nhũng từ đầu hơn là chờ xử sau, và điều đó thể hiện ở tỷ lệ điều luật phòng ngừa (Thái Doãn Thành, 2026). Nguyên tắc "lấy phòng làm chính" trong phòng, chống tham nhũng hiện nay cũng đi theo hướng tương tự. Cùng với đó, quy phạm càng cụ thể, chế tài càng phân hóa theo mức độ vi phạm thì càng dễ áp dụng và càng hạn chế tùy tiện. Điều này phù hợp với yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi mà Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh, đồng thời thừa nhận hệ thống pháp luật hiện còn chồng chéo, mâu thuẫn (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Pháp luật hiện hành đã có khung pháp lý riêng về phòng, chống tham nhũng (Quốc hội, 2018) và xử lý cả hành vi đưa hối lộ, môi giới hối lộ; việc tiếp tục rà soát để bỏ chồng chéo, mâu thuẫn là điều kiện để quy phạm được thực thi nhất quán.

Việc luật Lê sơ có quy định hoàn trả hoặc nộp phạt gấp đôi tài sản trong một số trường hợp gợi ý tầm quan trọng của khâu khôi phục thiệt hại. Theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành, hình phạt tử hình đã được bãi bỏ đối với tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ theo quy định sửa đổi của Bộ luật Hình sự năm 2025 (Văn phòng Quốc hội, 2025a), và có ý kiến đề nghị hoàn thiện pháp luật theo

hướng đề cao việc thu hồi tài sản tham nhũng (Thái Doãn Thành, 2026). Xu hướng này chuyển trọng tâm từ độ khắc nghiệt của hình phạt sang tính chắc chắn của việc xử lý và thu hồi tài sản, điều mà thực tiễn Lê sơ cũng cho thấy có vai trò quan trọng hơn độ nặng của hình phạt.

2.2.3. Kiểm soát quyền lực và trách nhiệm của chính cơ quan kiểm soát

Thời Lê sơ, Ngự sử đài, Lục khoa và Hiến ty được thiết kế theo nguyên tắc kiểm soát lẫn nhau, đồng thời người giám sát phải chịu trách nhiệm khi bỏ qua vi phạm. Đây là một gợi mở có giá trị: kiểm soát quyền lực chỉ có hiệu lực khi cơ quan kiểm soát có thẩm quyền rõ ràng và có trách nhiệm pháp lý tương ứng. Văn kiện Đại hội XIV thừa nhận sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp có mặt chưa rõ ràng, thiếu chặt chẽ, và hiệu lực, hiệu quả kiểm soát quyền lực nhà nước chưa cao (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Từ góc độ tham khảo lịch sử, yêu cầu tiếp tục phân định thẩm quyền, trách nhiệm là điều kiện để cơ chế kiểm soát không bị chồng lấn hoặc bỏ trống.

Hiện nay có đề xuất xây dựng một cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng theo hướng tập trung, độc lập, thống nhất, do Hiến pháp quy định (Thái Doãn Thành, 2025b). Đây là hướng còn cần nghiên cứu thêm. Điều rút ra được từ kinh nghiệm Lê sơ là nếu có cơ quan như vậy thì quyền hạn của nó phải đi kèm trách nhiệm và cơ chế bị kiểm soát lại.

Điểm khác biệt căn bản là ở nhà nước pháp quyền XHCN, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (Văn phòng Quốc hội, 2025b); kiểm soát dựa trên Hiến pháp và pháp luật, không phụ thuộc vào ý chí của một cá nhân. Vì thế điều cần tham khảo không phải là tổ chức cụ thể của Ngự sử đài hay Hiến ty, mà là nguyên tắc gắn quyền hạn kiểm soát với trách nhiệm giải trình của người kiểm soát.

2.2.4. Tuyển chọn, đánh giá cán bộ và phòng ngừa xung đột lợi ích

Lệ bảo kết và trách nhiệm liên đới của người tiến cử, bảo cử cho thấy việc chặn người kém liêm chính ngay từ cửa vào, và buộc người giới thiệu chịu trách nhiệm về sau, là một công cụ phòng ngừa đáng chú ý. Hiện nay có kiến nghị xây dựng bộ tiêu chí cụ thể về liêm chính trong tuyển chọn cán bộ, công chức và tăng trách nhiệm của người đứng đầu, cơ quan xét tuyển (Thái Doãn Thành, 2025a). Yêu cầu của Văn kiện Đại hội XIV về đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất, hiệu quả, nhất là trong thẩm định, đánh giá cán bộ theo chủ trương "có vào, có ra", "có lên, có xuống" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026) có thể đặt cạnh kinh nghiệm này: tiêu chí phải cụ thể, và người quyết định phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Quy định hồi tỵ khi chấm thi, dù ra đời trong bối cảnh khác, gợi ra vấn đề phòng ngừa xung đột lợi ích trong những khâu có quyền quyết định. Tuy vậy biện pháp phòng ngừa hiện nay cần được thiết kế phù hợp với thể chế hiện đại, dựa trên các quy định minh bạch về kê khai tài sản, thu nhập, công khai thông tin và trách nhiệm giải trình, thay vì các hạn chế mang tính cấm đoán chung.

2.2.5. Thể chế hóa để hiệu quả kiểm soát không phụ thuộc vào cá nhân

Từ giới hạn nêu, gợi mở thứ tư là cần thể chế hóa việc kiểm soát tham nhũng để hiệu quả không phụ thuộc vào từng người đứng đầu. Điều này thể hiện ở việc quy định rõ quy trình phát hiện, tiếp nhận và xử lý vi phạm; bảo đảm việc xử lý dựa trên căn cứ pháp lý thay vì ý chí chủ quan; và duy trì cơ chế đánh giá, giám sát liên tục qua các nhiệm kỳ.

Trong hệ thống hiện nay, yêu cầu Chính phủ tập trung cụ thể hóa, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026) chỉ đạt hiệu quả khi được chuyển thành quy trình, tiêu chí đo lường và trách nhiệm cụ thể. Định hướng xây dựng hệ thống đo lường chất lượng thực thi pháp luật ở các bộ, ngành, địa phương dựa trên mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp, được nêu trong Chương trình hành động (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026), cũng đi theo hướng này.

3. Kết luận

Kiểm soát tham nhũng thời Lê sơ đi theo ba hướng bổ trợ nhau là quy phạm pháp luật, thiết chế giám sát và quản lý, tuyển chọn quan lại. Về quy phạm, Quốc triều hình luật đưa các quy định về tham nhũng vào nhiều chương, phân hóa hình phạt theo mức độ, có quy định hoàn trả, nộp phạt tài sản và coi trọng cả phòng ngừa lẫn khuyến khích tố giác. Về thiết chế, Ngự sử đài, Lục khoa và Hiến ty tạo thành mạng lưới giám sát từ trung ương đến địa phương, trong đó người giám sát cũng chịu trách nhiệm. Về quản lý quan lại, nhà nước đặt trọng tâm ở khâu tuyển chọn, với lệ bảo kết và trách nhiệm liên đới của người tiến cử, bảo cử. Ba hướng này liên kết thành một chuỗi phòng ngừa, phát hiện và xử lý.

Tuy vậy hiệu quả của mô hình bị giới hạn bởi cấu trúc quyền lực của nhà nước quân chủ tập quyền, và tham nhũng không bị ngăn chặn hoàn toàn, nhất là ở giai đoạn suy thoái của triều đại. Kinh nghiệm này cũng cho thấy hiệu quả kiểm soát phụ thuộc vào tính ổn định của thể chế và sự nhất quán khi thực thi, chứ không chỉ vào độ nghiêm khắc của quy định. Vì vậy nó chỉ có giá trị tham khảo về phương pháp: quy phạm cụ thể, chế tài tương xứng, chú trọng thu hồi tài sản, gắn quyền kiểm soát với trách nhiệm giải trình và có tiêu chí liêm chính ngay từ khâu tuyển chọn. Việc vận dụng vào xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam cần đặt trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Hướng nghiên cứu tiếp theo là đối chiếu chi tiết từng điều khoản của Quốc triều hình luật với các bộ luật cùng thời và với Hoàng Việt luật lệ, để làm rõ hơn sự kế thừa và phát triển của pháp luật về kiểm soát quan lại.

Tài liệu tham khảo

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV.* NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1998). *Đại Việt sử ký toàn thư (tập 2).* NXB Khoa học xã hội.

Nguyễn Ngọc Huy & Tạ Văn Tài (1987). The Lê Code: Law in traditional Vietnam: A comparative Sino-Vietnamese legal study with historical-juridical analysis and annotations (3 tập). *Ohio University Press.*

Phan Huy Chú (1992). *Lịch triều hiến chương loại chí (Viện Sử học dịch).* NXB Khoa học xã hội.

Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).*

Quốc hội (2015). *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).*

Quốc hội (2018). *Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Luật số: 36/2018/QH14, ngày 20/11/2018.*

Thái Doãn Thành (2025a). Kinh nghiệm tổ chức và vận hành cơ quan chống tham nhũng thời Lê sơ và giá trị tham khảo. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (357), 53–57. https://doi.org/10.59394/qlnn.357.2025.1316.

Thái Doãn Thành (2025b). Tư tưởng liêm chính trong tuyển chọn quan lại thời Lê sơ và kinh nghiệm trong công tác phòng, chống tham nhũng hiện nay. *Tạp chí Quản lý nhà nước,* (355), 40–43. https://doi.org/10.59394/qlnn.355.2025.1257.

Thái Doãn Thành (2026). Tư tưởng phòng, chống tham nhũng trong Quốc triều hình luật và bài học kinh nghiệm trong xây dựng pháp luật hiện nay. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (360), 115–120. https://doi.org/10.59394/qlnn.360.2026.1413.

Trần Đình Ba (2025, ngày 7 tháng 2). Nhà Lê sơ làm trong sạch chốn quan trường: Tham nhũng từ đại thần tới đầu bếp. *Báo Thanh Niên*. https://thanhnien.vn/nha-le-so-lam-trong-sach-chon-quan-truong-tham-nhung-tu-dai-than-toi-dau-bep-18525020623145804.htm.

Văn phòng Quốc hội (2025a). *Bộ luật Hình sự*. Số 135/VBHN-VPQH ngày 05/9/2025.

Văn phòng Quốc hội (2025b). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Số 52/VBHN-VPQH, ngày 21/7/2025.

Viện Sử học (2013). *Quốc triều hình luật*. NXB Tư pháp.

Vũ Văn Mẫu (1974). *Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử diễn giảng* (Quyển 1, tập 1). Sài Gòn.